

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **10/2020/QĐ-TTg**

Hà Nội, ngày **18** tháng **3** năm **2020**

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Thống kê có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định:

a) Các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thống kê;

b) Chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình hành động về thống kê;

c) Sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia; nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phân loại thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

d) Hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng thông tin thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước;

đ) Các văn bản quy phạm pháp luật khác về thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định:

a) Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê, phân loại thống kê ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê được phân công;

b) Quy chế phổ biến thông tin thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê tập trung;

c) Thông tư, quyết định, chỉ thị, đề án và các văn bản khác về lĩnh vực thống kê thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện các nội dung:

a) Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê quốc gia, hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Hướng dẫn, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và chương trình điều tra thống kê quốc gia theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức, điều phối các hoạt động: Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến; phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông; kết nối, cung cấp dữ liệu, thông tin giữa các hệ thống thông tin thống kê nhà nước; thực hiện tiêu chuẩn quản lý và đánh giá chất lượng thông tin thống kê; báo cáo kết quả tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê trong hoạt động thống kê nhà nước.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê và theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.

7. Thẩm định chuyên môn, nghiệp vụ đối với Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành bao gồm cả chỉ tiêu thống kê được điều chỉnh, bổ sung; chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành; phân loại thống kê ngành, lĩnh vực; số liệu thống kê của bộ, ngành trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phương án điều tra thống kê do bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức thực hiện.

8. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện tổng điều tra dân số và nhà ở; tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; tổng điều tra kinh tế và tổng điều tra, điều tra thống kê khác do Thủ tướng Chính phủ phân công. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê trong chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định.

9. Tổ chức thu thập thông tin, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu bộ, ngành; cung cấp dữ liệu, thông tin có liên quan đến thông tin thống kê đã được công bố trong cơ sở dữ liệu thống kê cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; thực hiện bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp dữ liệu theo quy định của pháp luật.

11. Phân tích và dự báo thống kê theo chương trình thống kê phục vụ việc xây dựng, đánh giá thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; báo cáo phân tích chuyên đề; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

12. Công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu ngành kế hoạch, đầu tư và thống kê.

13. Tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê; kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã được cấp có thẩm quyền công bố; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy định của pháp luật.

15. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người làm công tác thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, điều tra viên thống kê và cộng tác viên thống kê.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và lao động hợp đồng; thực hiện chế độ tiền lương, chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề thống kê và các chế độ đãi ngộ khác; thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

17. Thực hiện cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm chống lãng phí; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thống kê và theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

19. Thực hiện cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật.

20. Quản lý các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê

Tổng cục Thống kê được tổ chức thành hệ thống ngành dọc từ trung ương đến địa phương, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất.

1. Cơ quan thống kê ở trung ương

- a) Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê;
- b) Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê;
- c) Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia;
- d) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản;
- đ) Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng;
- e) Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ;
- g) Vụ Thống kê Giá;
- h) Vụ Thống kê Dân số và Lao động;
- i) Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường;
- k) Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế;
- l) Vụ Tổ chức cán bộ;
- m) Vụ Kế hoạch tài chính;
- n) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê;
- o) Văn phòng;
- p) Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê;
- q) Viện Khoa học Thống kê;
- r) Tạp chí Con số và Sự kiện;
- s) Nhà Xuất bản Thống kê;
- t) Trường Cao đẳng Thống kê;
- u) Trường Cao đẳng Thống kê II.

Các tổ chức quy định từ điểm a đến điểm p khoản 1 Điều này là tổ chức hành chính giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ điểm q đến điểm u khoản 1 Điều này là tổ chức sự nghiệp.

Văn phòng Tổng cục được tổ chức 6 phòng; Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê được tổ chức 4 phòng và 4 Trung tâm.

Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, có trụ sở làm việc và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan thống kê ở địa phương

a) Cục Thống kê tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Cục Thống kê cấp tỉnh) thuộc Tổng cục Thống kê.

Cục Thống kê cấp tỉnh được tổ chức 5 phòng.

b) Chi cục Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chi cục Thống kê khu vực (gọi chung là Chi cục Thống kê cấp huyện) thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện có tư cách pháp nhân, con dấu riêng; có trụ sở làm việc và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục Thống kê

1. Tổng cục Thống kê có Tổng cục trưởng và không quá 04 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo quy định của pháp luật.

Tổng cục trưởng là người đứng đầu Tổng cục Thống kê, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Thống kê. Các Phó Tổng cục trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Tổng cục trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, đình chỉ công tác người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 5. Hiệu lực và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2020; thay thế Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:

a) Sắp xếp các phòng thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này, bảo đảm tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo các nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật.

b) Sắp xếp Chi cục Thống kê cấp huyện đến hết năm 2021 còn 486 Chi cục Thống kê.

c) Sắp xếp Chi cục Thống kê cấp huyện đến hết năm 2022 còn 420 Chi cục Thống kê.

3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). 412



Nguyễn Xuân Phúc